

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 8 - 2022
Về việc Ly hôn và tranh chấp về con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HGND, ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H; Nơi cư trú: Ngõ 02, tổ dân phố B, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải P; vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân P; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, thành phố Hải P; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân P kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng về sinh sống cùng gia đình anh P tại thôn T, xã P, huyện T, thành phố Hải P. Quá trình chung sống cho đến nay thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng. Nguyên nhân là do tính tình

vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề làm ăn kinh tế lẫn chăm lo gia đình, anh P ham chơi bời dẫn đến cuộc sống gia đình khó khăn, ngoài ra còn có quan hệ ngoại tình không chung thủy. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm nay và không còn khả năng đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Xuân P.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 22/8/2012 kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai con chung sống cùng chị H khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung vì anh P thường xuyên vắng nhà không đảm bảo việc chăm sóc hai con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để chị và anh P tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án.

- Về tài sản chung: Chị và anh P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Xuân P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án ghi ý kiến trình bày quan điểm về việc chị H xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Xuân P; Về con chung: Giao cả hai con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 22/8/2012, cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu, bị đơn anh P vắng mặt không có ý kiến trình bày về tài sản chung nên không đề cập giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Xét chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Xuân P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, thành phố Hải P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2008, quyển số 01, ngày 21 tháng 3 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thể hiện: Chị H và anh P chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, trong làm ăn kinh tế. Do mâu thuẫn nên vợ chồng căng thẳng nên đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm nhau. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P, bị đơn anh P quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P vắng mặt và cũng không có văn bản nào gửi đến Tòa án trình bày quan điểm về việc chị H xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử, xét: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P đã kéo dài, trầm trọng

không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Xuân P.

[3] Về con chung

Chị H và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 22/8/2012 kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai con chung sống cùng chị H khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung vì anh P thường xuyên vắng nhà không đảm bảo việc chăm sóc hai con. Anh P không hợp tác đến Tòa án trình bày quan điểm về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét: Việc nuôi con của H đã ổn định để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần thiết phải giao con chung cho một người nuôi dưỡng, chăm sóc, mặt khác gia đình bố mẹ anh P trình bày từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai con chung đều do chị H nuôi dưỡng và 02 con chung trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống cùng chị H. Vì vậy cần thiết phải giao cả hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H trình bày đề chị và anh P tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung

Chị H trình bày vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa không có quan điểm trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Xuân P.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 22/8/2012, cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007736, ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố Hải P.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải P;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã P, h. T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải P;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố Hải P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

Lê Thị Sự

